

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
					10%					30%	60%	100%		
						1	1	1						
1	1812719005	Lê Tú Anh	N18DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP	
2	1813719016	Trần Lê Quốc Bảo	N18DLK1	8	7	7	6		6.7	5.3	6.0	Sáu		
3	1813719019	Nguyễn Cao Cấp	N18DLK1	8	7	6	6		6.3	V	0.0	Không		
4	1813719056	Dụng Anh Đức	N18DLK1	8	8	6	6		6.7	5.3	6.0	Sáu		
5	1812719043	Hoàng Mộng Duyên	N18DLK1	8	8	8	7		7.7	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín		
6	1812719059	Nguyễn Thị Hương Giang	N18DLK1	8	7	8	5		6.7	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn		
7	1812719065	Phan Thị Thu Hà	N18DLK1	8	7	6.5	7		6.8	7.8	7.5	Bảy phẩy Năm		
8	1813719061	Đinh Ngọc Hà	N18DLK1	8	8	6	5		6.3	5.5	6.0	Sáu		
9	1812719076	Nguyễn Thị Kim Hiền	N18DLK1	8	7	7	8		7.3	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai		
10	1812719074	Nguyễn Trần Thu Hiền	N18DLK1	8	7	8	7		7.3	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
11	1813719080	Nguyễn Quốc Hiếu	N18DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP	
12	1813719107	Hồ Nguyễn Anh Khoa	N18DLK1	8	7	7	7		7.0	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
13	1813719127	Nguyễn Thành Long	N18DLK1	8	7	7	5		6.3	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín		
14	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	8	7	7	5		6.3	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
15	1813719174	Trương Minh Nhật	N18DLK1	8	8	8	5		7.0	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn		
16	1813719190	Dương Tấn Phụng	N18DLK1	8	7	6	7		6.7	5.0	5.8	Năm phẩy Tám		
17	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	8	7	7	6		6.7	V	0.0	Không		
18	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	8	7	8	6		7.0	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
19	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	8	7	7	7		7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm		
20	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	8	7	8	7		7.3	5.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
21	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	8	7	6	7		6.7	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn		
22	1813719267	Tiêu Phi Toàn	N18DLK1	8	9	8	7		8.0	V	0.0	Không		
23	1812719272	Huỳnh Huyền Trâm	N18DLK1	8	7	8	8		7.7	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy		
24	1812719268	Nguyễn Thị Thùy Trang	N18DLK1	8	7	8	7		7.3	5.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
25	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	8	7	5	8		6.7	5.8	6.3	Sáu phẩy Ba		
26	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	8	7	5	7		6.3	5.3	5.9	Năm phẩy Chín		
27	1813719314	Phạm Hoàng Vũ	N18DLK1	8	7	7	5		6.3	4.8	0.0	Không		
28	1812719323	Trương Nguyễn Như Ý	N18DLK1	8	9	8	8		8.3	5.0	6.3	Sáu phẩy Ba		
29	1812719007	Cao Xuân Hoàng Anh	N18DLK2	8	7	7	8		7.3	7.8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
30	1813719018	Huỳnh Kim Cảnh	N18DLK2	8	8	7	7		7.3	6.3	6.8	Sáu phẩy Tám		
31	1812719028	Bùi Lê Thúy Diễm	N18DLK2	8	7	7	8		7.3	6.3	6.8	Sáu phẩy Tám		
32	1812719053	Nguyễn Thị Đông	N18DLK2	8	7.5	7	8		7.5	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
33	1812719034	Dương Thị Thùy Dung	N18DLK2	8	8	7	8		7.7	7.3	7.5	Bảy phẩy Năm		
34	1813719036	Đỗ Yên Dũng	N18DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,	
35	1813719045	Hoàng Hải Dương	N18DLK2	8	7.5	7	6		6.8	7.0	7.0	Bảy		
36	1812719047	Lê Trùng Dương	N18DLK2	8	7	7	8		7.3	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
37	1813719046	Phan Văn Dương	N18DLK2	8	7.5	7	7		7.2	7.8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
38	1813719040	Nguyễn Ngọc Duy	N18DLK2	8	7.5	7	8		7.5	6.3	6.8	Sáu phẩy Tám		

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ		
39	1812719087	Nguyễn Thị Hạ	Hoài	N18DLK2	8	7.5	7	8		7.5	7.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
40	1812719093	Nguyễn Thị Kim	Hồng	N18DLK2	8	8.5	7	7		7.5	6.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
41	1813719116	Phùng Duy	Lâm	N18DLK2	8	8	7	7		7.3	V	0.0	Không	
42	1812719138	Võ Thùy Bảo	My	N18DLK2	8	7.5	7	5		6.5	8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
43	1812719142	Lê Thị Trà	My	N18DLK2	8	9	7	8		8.0	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
44	1812719145	Nguyễn Vĩnh	Nam	N18DLK2	8	7.5	7	8		7.5	6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
45	1812219553	Nguyễn Hoài Bảo	Ngọc	N18DLK2	8	7.5	7	8		7.5	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
46	1812719148	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	N18DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
47	1812719150	Phạm Thị Bích	Ngọc	N18DLK2	8	7.5	7	8		7.5	6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
48	1812719167	Trương Nguyễn Yến	Nhi	N18DLK2	8	6.5	7	8		7.2	7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
49	1813719171	Nguyễn Thế	Nhơn	N18DLK2	8	7	7	7		7.0	8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
50	1812719197	Lê Ngọc Trâm	Phương	N18DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
51	1812719206	Phan Thị Bảo	Quyên	N18DLK2	8	8	7	8		7.7	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
52	1812719219	Trần Thị	Tâm	N18DLK2	8	8	7	8		7.7	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
53	1812719228	Phùng Thị Thiên	Thanh	N18DLK2	8	9	7	8		8.0	5.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
54	1812719257	Nguyễn Diêu Anh	Thư	N18DLK2	8	8.5	7	7.5		7.7	8.3	8.1	Tám phẩy Một	
55	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền	Trâm	N18DLK2	8	9	7	8		8.0	8.3	8.2	Tám phẩy Hai	
56	1813719287	Phạm Ngọc	Trung	N18DLK2	8	7	7	8		7.3	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
57	1812719297	Lâm Thảo	Uyên	N18DLK2	8	8	7	6		7.0	6.8	7.0	Bảy	
58	1813719318	Trần Viết	Vương	N18DLK2	8	8.5	7	8		7.8	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
59	1812719020	Nguyễn Thị Minh	Châu	N18DLK3	8	7.5	7	8		7.5	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
60	1812719031	Nguyễn Thị Thanh	Dung	N18DLK3	8	6.5	7	8		7.2	7.8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
61	1812719062	Trần Thị Thu	Hà	N18DLK3	8	8	7	8		7.7	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
62	1812719073	Lê Thị Diêu	Hiền	N18DLK3	8	7.5	7	8		7.5	6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
63	1813719090	Đoàn Văn	Hoàng	N18DLK3	8	7.5	7	8		7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
64	1812719111	Lê Nguyên Trà	Khúc	N18DLK3	8	6	7	8		7.0	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
65	1812719113	Trần Thị	La	N18DLK3	8	6	7	5		6.0	7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
66	1813719131	Trần Thanh	Lợi	N18DLK3	8	5	7	8		6.7	8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
67	1812719149	Nguyễn Xuân Phương	Ngọc	N18DLK3	8	7	7	5		6.3	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
68	1812719166	Đoàn Trần Ý	Nhi	N18DLK3	8	7	7	8		7.3	8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
69	1812719180	Nguyễn Thị Mai	Phi	N18DLK3	8	7	7	8		7.3	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
70	1813719191	Nguyễn Chánh	Phước	N18DLK3	8	8	7	8		7.7	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
71	1812719196	Phan Hồng	Phương	N18DLK3	8	8.5	7	8		7.8	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
72	1813719217	Phạm Ngọc	Sơn	N18DLK3	8	7.5	7	8		7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
73	1813719218	Võ Chí	Tâm	N18DLK3	8	7	7	8		7.3	7.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
74	1813719229	Ngô Trương Duy	Thành	N18DLK3	8	7.5	7	8		7.5	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
75	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu	Thảo	N18DLK3	8	9	8	8		8.3	6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
76	1812719230	Phạm Phương	Thảo	N18DLK3	8	7	7	8		7.3	8.5	8.1	Tám phẩy Một	
77	1812719252	Võ Thị Ánh	Thủy	N18DLK3	8	6.5	7	5		6.2	6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
78	1813719266	Mai Đình	Toàn	N18DLK3	8	6	7	8		7.0	6.8	7.0	Bảy	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
79	1812719275	Phạm Thị Trâm	N18DLK3	8	6.5	7	8		7.2	4.8	0.0	Không	
80	1812719273	Nguyễn Thị Bích Trâm	N18DLK3	8	8.5	7	8		7.8	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
81	1813719289	Đỗ Thanh Tú	N18DLK3	8	7	6	8		7.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
82	1813719295	Trần Mai Phước Tùng	N18DLK3	8	7.5	7	5		6.5	5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
83	1813719307	Huỳnh Văn Vĩ	N18DLK3	8	5	6	6		5.7	5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
84	1812719319	Phan Thúy Vy	N18DLK3	8	8	7	5		6.7	4.8	0.0	Không	
85	1812719324	Nguyễn Thị Kim Yến	N18DLK3	8	7	7	8		7.3	5.0	6.0	Sáu	
86	1812719008	Nguyễn Thị Tú Anh	N18DLK4	8	8	8	9		8.3	5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
87	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	N18DLK4	8	8	8	9		8.3	6.3	7.1	Bảy phẩy Một	
88	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng Dung	N18DLK4	8	8	8	8		8.0	5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
89	1812719071	Bùi Thị Hiền	N18DLK4	8	7	8	9		8.0	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
90	1813719082	Nguyễn Trọng Hiếu	N18DLK4	8	7	8	9		8.0	5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
91	1812719084	Đào Thị Kim Hoa	N18DLK4	2	8	8	0		5.3	CT	0.0	Không	Cấm thi do V
92	1813719095	Nguyễn Xuân Huy	N18DLK4	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
93	1813719106	Đặng Vũ Anh Khoa	N18DLK4	8	7.5	8	9		8.2	6.3	7.0	Bảy	
94	1813719112	Đào Ngọc Khuê	N18DLK4	8	9	10	8		9.0	8.3	8.5	Tám phẩy Năm	
95	1812719114	Lưu Mỹ Lai	N18DLK4	8	8	8	8		8.0	4.0	0.0	Không	
96	1812719118	Nguyễn Thị Ái Lâm	N18DLK4	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
97	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài Linh	N18DLK4	8	8	8	8		8.0	8.0	8.0	Tám	
98	1812719121	Huỳnh Thị Mỹ Linh	N18DLK4	8	8	8	9		8.3	5.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
99	1812719126	Phan Bạch Hồng Loan	N18DLK4	8	8	8	8		8.0	6.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
100	1813719136	Tôn Thất Mãi	N18DLK4	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
101	1812719146	Nguyễn Thị Thúy Nga	N18DLK4	8	7	8	10		8.3	5.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
102	1812719151	Nguyễn Thị Tố Nguyên	N18DLK4	8	8	8	8		8.0	7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
103	1812719157	Lê Võ Mỹ Thanh Nhân	N18DLK4	8	8	8	9		8.3	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
104	1813719159	Trương Thành Nhân	N18DLK4	8	8	8	9		8.3	5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
105	1813719158	Nguyễn Trọng Nhân	N18DLK4	8	7	5	9		7.0	5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
106	1812719170	Trần Phương Quỳnh Nhi	N18DLK4	8	8	8	8		8.0	7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
107	1812719169	Trương Thị Thúy Nhi	N18DLK4	8	7	8	9		8.0	6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
108	1813719179	Trịnh Thành Phát	N18DLK4	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
109	1813719181	Hà Ngọc Huy Phong	N18DLK4	8	7	8	5		6.7	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
110	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên Phú	N18DLK4	8	8	8	8		8.0	6.3	7.0	Bảy	
111	1812719198	Huỳnh Thị Bích Phương	N18DLK4	8	7	8	8		7.7	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
112	1812719199	Trương Thị Ngọc Phượng	N18DLK4	8	7	8	9		8.0	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
113	1812719203	Nguyễn Thị Thu Quý	N18DLK4	8	8	8	7		7.7	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
114	1812719209	Phạm Đoàn Khánh Quỳnh	N18DLK4	8	8	6	7		7.0	7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
115	1812719233	Trần Dương Việt Thảo	N18DLK4	8	7	9	9		8.3	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
116	1813719243	Nguyễn Ngọc Thông	N18DLK4	8	7.5	8	8		7.8	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
117	1813719293	Phan Sỹ Tùng	N18DLK4	8	7	5	8		6.7	8.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
118	1813719313	Dương Lê Tuấn Vũ	N18DLK4	8	8	8	6		7.3	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
119	1813719003	Lê Thành An	N18DLK5	8	6.5	8.5	8		7.7	9.0	8.5	Tám phẩy Năm	
120	1813719001	Bùi Quý An	N18DLK5	8	7	7	8.5		7.5	5.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
121	1812719006	Ngô Thị Quỳnh Anh	N18DLK5	8	8.5	8.5	10		9.0	9.3	9.1	Chín phẩy Một	
122	1813719011	Đào Duy Anh	N18DLK5	8	7	7.5	8.5		7.7	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
123	1813719021	Nguyễn Hữu Châu	N18DLK5	8	7	7	8.5		7.5	6.5	7.0	Bảy	
124	1812719023	Võ Quế Chi	N18DLK5	8	7	8	5		6.7	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
125	1813719025	Lê Văn Chiến	N18DLK5	8	7	7.5	7		7.2	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
126	1812719215	H' Hiệp Niê H' Sah	N18DLK5	8	8	8.5	8		8.2	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
127	1812719063	Huỳnh Thị Kim Hà	N18DLK5	8	7	6	5		6.0	V	0.0	Không	
128	1813719075	Trương Thanh Hiền	N18DLK5	8	7	7	8.5		7.5	6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
129	1813719626	Nguyễn Đình Hiệp	N18DLK5	8	7	6	8.5		7.2	5.0	6.0	Sáu	
130	1813719078	Trương Hoàng Hiếu	N18DLK5	8	7.5	6	8		7.2	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
131	1813719089	Trần Thiên Hoàng	N18DLK5	8	8	8.5	9		8.5	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
132	1813719091	Võ Quang Hoàng	N18DLK5	8	7	6	7		6.7	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
133	1813719094	Phạm Thế Hùng	N18DLK5	8	7	9	8.5		8.2	5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
134	1813719097	Phạm Lê Duy Hưng	N18DLK5	8	7	7	8		7.3	4.8	0.0	Không	
135	1812719117	Nguyễn Thị Lan	N18DLK5	8	8	9	10		9.0	6.0	7.1	Bảy phẩy Một	
136	1813719128	Nguyễn Hoàng Long	N18DLK5	8	7	7	8		7.3	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
137	1813719153	Vũ Hoàng Nguyên	N18DLK5	8	7	7	7		7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
138	1812719156	Hoàng Thị Nguyệt	N18DLK5	8	7	8.5	8.5		8.0	5.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
139	1813719175	Đỗ Văn Nhật	N18DLK5	8	7	7	7		7.0	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
140	1813719189	Trần Phi Phụng	N18DLK5	8	7	7.5	5		6.5	7.3	7.1	Bảy phẩy Một	
141	1812719213	Nguyễn Thị Như Quỳnh	N18DLK5	8	8	8.5	10		8.8	6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
142	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài Thu	N18DLK5	8	7	7.5	7		7.2	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
143	1812719255	Nguyễn Thị Thu Thủy	N18DLK5	8	8	8.5	7		7.8	6.8	7.2	Bảy phẩy Hai	
144	1813719264	Nguyễn Thành Tín	N18DLK5	8	7	7	8.5		7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
145	1813119457	Nguyễn Văn Tịnh	N18DLK5	8	7	8.5	8		7.8	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
146	1813719278	Huỳnh Ngọc Trí	N18DLK5	8	7	7	8.5		7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
147	1813719280	Lý Thế Triều	N18DLK5	8	7	9	9		8.3	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
148	1812719282	Huỳnh Thị Ánh Trinh	N18DLK5	8	7	7.5	10		8.2	9.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
149	1813719285	Tạ Thanh Trung	N18DLK5	8	6.5	8.5	8		7.7	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
150	1813719286	Nguyễn Thành Trung	N18DLK5	8	7	7.5	7		7.2	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
151	1813719290	Nguyễn Ngọc Tú	N18DLK5	8	7	7	8.5		7.5	6.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
152	1813719292	Phan Thành Tuấn	N18DLK5	8	7	7	8.5		7.5	V	0.0	Không	
153	1812719296	Phạm Thị Thanh Tuyền	N18DLK5	8	8	9	10		9.0	8.0	8.3	Tám phẩy Ba	
154	1813719310	Nguyễn Hữu Vinh	N18DLK5	8	7	9	8.5		8.2	6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
155	1812719321	Trần Thị Hiền Vy	N18DLK5	8	7	7	7		7.0	7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
156	1813719010	Nguyễn Đức Anh	N18DLK6	8	7.5	5	7		6.5	V	0.0	Không	
157	1813719004	Lê Đức Anh	N18DLK6	8	8	5	7		6.7	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
158	1813719022	Nguyễn Nhật Long Châu	N18DLK6	8	5.5	5	7		5.8	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ		
159	1812719026	Lê Thị Kim	Chung	N18DLK6	8	8	7	8		7.7	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
160	1812719048	Trần Đăng Minh	Đài	N18DLK6	8	8	6	7.5		7.2	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
161	1813719052	Trần Văn	Định	N18DLK6	8	8	5	7		6.7	5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
162	1812719054	Nguyễn Thị Thu	Đông	N18DLK6	8	8	5	7		6.7	7.0	7.0	Bảy	
163	1813719058	Trần Hoàng Trung	Đức	N18DLK6	8	7.5	5	7		6.5	V	0.0	Không	
164	1813719037	Thái Tú	Dũng	N18DLK6	8	6.5	5	8		6.5	7.0	7.0	Bảy	
165	1812719055	Nguyễn Ngọc	Đúng	N18DLK6	8	8	5	7		6.7	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
166	1813719038	Nguyễn Ngọc	Duy	N18DLK6	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
167	1813719041	Nguyễn Tấn	Duy	N18DLK6	8	7	5	6		6.0	5.8	6.1	Sáu phẩy Một	
168	1813719042	Nguyễn Khánh	Duy	N18DLK6	8	7.5	5	6		6.2	V	0.0	Không	
169	1812719064	Lê Thị Ngọc	Hà	N18DLK6	8	7.5	6	7		6.8	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
170	1813719066	Hồ Việt	Hà	N18DLK6	8	7.5	6	7		6.8	4.8	0.0	Không	
171	1812719069	Tôn Nữ Thị	Hằng	N18DLK6	8	7	6	7		6.7	5.3	6.0	Sáu	
172	1812719068	Nguyễn Hồng	Hạnh	N18DLK6	8	7	5	7		6.3	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
173	1813719072	Nguyễn Việt Duy	Hiền	N18DLK6	8	8	5	7		6.7	5.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
174	1813719077	Trần Minh	Hiển	N18DLK6	8	8	5	5		6.0	6.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
175	1812719085	Lê Hoàng	Hoa	N18DLK6	8	7.5	5	5		5.8	6.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
176	1812719101	Lê Thị Thu	Hương	N18DLK6	8	8.5	6	7		7.2	6.8	7.0	Bảy	
177	1813719109	Trần Đăng	Khoa	N18DLK6	8	8	7	7		7.3	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
178	1812719133	Dương Trương Thị	Luyến	N18DLK6	8	8.5	7	7		7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
179	1812719144	Nguyễn Hoàng Ni	Na	N18DLK6	8	7.5	5	7		6.5	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
180	1812719147	Đoàn Thị Khánh	Nga	N18DLK6	8	7	6	7		6.7	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
181	1812719627	Mai Tùng	Nghĩa	N18DLK6	8	7	5	6		6.0	7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
182	1812719162	Đặng Thị Hồng	Nhật	N18DLK6	8	7	5	7		6.3	5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
183	1812719165	Phan Thị Uyên	Nhi	N18DLK6	8	7.5	5	7		6.5	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
184	1812719173	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	N18DLK6	8	7	5	8		6.7	4.8	0.0	Không	
185	1812719176	Nguyễn Thị	Nữ	N18DLK6	8	8	6	7		7.0	6.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
186	1813719187	Nguyễn Thành	Phúc	N18DLK6	8	7.5	7	7		7.2	7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
187	1812719193	Võ Thị	Phước	N18DLK6	8	7.5	5	7		6.5	6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
188	1813719207	Nguyễn Kim Trúc	Quyền	N18DLK6	8	5	5	7		5.7	6.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
189	1812719212	Mai Trần Xuân	Quỳnh	N18DLK6	8	7.5	5	7		6.5	7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
190	1813719223	Nguyễn Tấn	Tâm	N18DLK6	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
191	1812719220	Phan Nguyễn Thành	Tâm	N18DLK6	8	8	5	7		6.7	5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
192	1813719221	Tô Văn Hoài	Tâm	N18DLK6	8	7	5	7		6.3	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
193	1812719235	Nguyễn Thị Gia	Thảo	N18DLK6	8	8	8	7		7.7	6.5	7.0	Bảy	
194	1813719238	Ngô Minh	Thiện	N18DLK6	8	7	5	5		5.7	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
195	1813719240	Nguyễn Văn	Thịnh	N18DLK6	8	7.5	7	7.5		7.3	8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
196	1812719270	Phan Nguyễn Thùy	Trâm	N18DLK6	8	6.5	6	5		5.8	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
197	1812719276	Lê Thị	Trâm	N18DLK6	8	7	6	6		6.3	6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
198	1813719279	Nguyễn Duy	Trí	N18DLK6	8	6.5	7	7		6.8	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
199	1813719281	Nguyễn Công Triệu	N18DLK6	8	8	6	7		7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
200	1812719300	Trần Hồ Phương Uyên	N18DLK6	8	8	6	7		7.0	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
201	1812719305	Nguyễn Thị Hoàng Vân	N18DLK6	8	7.5	7	7		7.2	7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
202	1813719301	Trần Khánh Văn	N18DLK6	8	7.5	6	8		7.2	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
203	1812719304	Nguyễn Thị Vân	N18DLK6	8	8	6	7.5		7.2	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
204	1813719317	Nguyễn Minh Vương	N18DLK6	8	7.5	6	7		6.8	7.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
205	1813719322	Nguyễn Phú Vỹ	N18DLK6	8	6.5	6.5	6		6.3	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
1	1712719926	Thái Trịnh Minh Châu	N17DLK1	8	6.5	7	8.5		7.3	7.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	43656

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	178	86%	
2	Số sinh viên nợ	28	14%	
TỔNG CỘNG :		206	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phượng

Dương Mai Bảo Liên

ThS. Nguyễn Ân